

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày 15-6-2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa và ông Nguyễn Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Công T, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1998, tại: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công C và bà Nguyễn Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại ở địa phương đến nay, “có mặt”.

Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975

- Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1973.

Đều địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn M, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của ông Th: Bà Nguyễn Thị D (vợ ông Th) - Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/6/2018), “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Hồng L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 55 đường Đ, phường H, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chiều ngày 03 tháng 3 năm 2018, bị cáo T đi đến nhà anh Nguyễn Duy Q ở thị trấn M, huyện V để ăn liên hoan anh Q đi nghĩa vụ quân sự. Sau khi ăn uống xong, T ngủ tại nhà anh Q đến khoảng 7 giờ 00 phút ngày 04 tháng 3 năm 2018 thì dậy và ngồi uống nước tại phòng khách cùng với ông Th, bà D (là bố, mẹ đẻ của anh Q) và anh Phan Trung K. Tại đây T nhìn thấy bà D đưa tiền cho cháu Nguyễn Trung P, sinh năm 2007 (là con trai bà D) để P cất vào trong tủ để quần áo trong gian buồng ngủ nhà bà D. Lúc này K phải về nên T mượn xe mô tô của gia đình bà D đưa K về nhà rồi lại quay về nhà bà D. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, trong lúc bà D và ông Th đang quét dọn ở ngoài sân thì T cùng Hoàng Ngọc G, sinh năm 2001, trú tại xã Ph, huyện V ngồi uống nước tại gian phòng khách nhà bà D. Sau đó, T đi ra khu nhà vệ sinh rồi quay lại phòng khách, khi đi qua gian phòng ngủ của nhà bà D nơi cháu P vừa cất tiền, T quan sát thấy cửa phòng không khóa và không có ai để ý nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào trong phòng để trộm cắp tiền mang đi tiêu sài cá nhân. T đi vào trong phòng ngủ của nhà bà D, đến vị trí chiếc tủ gỗ có 1 cánh và cánh tủ là gương kê ở góc phòng, thấy tủ không khóa nên T mở tủ ra và lật quần áo để ở ngăn thứ nhất kể từ trên xuống thì thấy có nhiều tờ tiền với mệnh giá khác nhau. Do sợ bị phát hiện nên T không lấy hết mà chỉ lấy 7.000.000 đồng (Gồm 04 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng, 24 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng, 04 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng) trong tổng số tiền để

trong tủ rồi cất vào trong túi quần và đi ra bên ngoài uống nước cùng G, rồi đi về nhà.

Số tiền trộm cắp được T đã tiêu sài cá nhân hết 4.040.000 đồng, cụ thể: trả tiền đi xe taxi các lần hết 1.490.000 đồng (trong đó có 01 lần đi xe taxi của anh Lê Hồng Kh hết 240.000 đồng, còn lại các lần đi khác T không nhớ biển kiểm soát của xe, hãng xe và không biết tên tuổi của lái xe); mua 01 chiếc ví giả da màu xanh dương của một người bán hàng rong qua đường không quen biết với số tiền 150.000 đồng; trả tiền hát Karaoke tại quán Karaoke 55 của anh Vũ Hồng L, sinh năm 1964 ở phường H, thành phố Y với số tiền 1.300.000 đồng (T đi hát karaoke cùng với các bạn là Phạm Tiến E, Nguyễn Văn E1, Kim Văn E2); đưa cho Phạm Tiến E 500.000 đồng để E trả tiền taxi đi từ thành phố Y về V; nhờ anh Khuất Văn U1 mua hộ thẻ điện thoại hết 250.000 đồng; mua 02 bao thuốc lá 555 hết 100.000 đồng; chơi điện tử và uống nước tại quán game “Điệp” của chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1966 ở xã Ph, huyện V hết 250.000 đồng. Còn lại số tiền 2.960.000 đồng T chưa tiêu xài thì bị phát hiện và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường thu giữ lại số tiền này cùng chiếc ví giả da màu xanh dương mà T dùng số tiền trộm cắp được để mua.

Ngay sau khi nhận được tin báo về tội phạm, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, thu giữ tang vật chứng của vụ án và tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định. Tại cơ quan điều tra, Lê Công T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 2.740.000 đồng là tiền T trộm cắp được của nhà bà D sau đó tiêu sài hết quá trình điều tra T đã tự nguyện trả lại cho bà D.

Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, anh Vũ Hồng L đã tự nguyện giao nộp lại 1.300.000 đồng là tiền T đã trả tiền hát tại quán Karaoke 55 cho anh L.

Quá trình điều tra xác định số tiền 2.960.000 đồng thu giữ của T và 1.300.000 đồng anh Vũ Hồng L giao nộp lại là tiền T trộm cắp được của nhà bà

Nguyễn Thị D nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà D. Sau khi nhận lại số tiền trên và số tiền 2.740.000 đồng do T tự nguyện trả, bà D không có yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ cho bị cáo T.

Tại bản Cáo trạng số 33/KSĐT-TA ngày 24 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã truy tố bị cáo Lê Công T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo T; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị hại ông Nguyễn Xuân Th và bà Nguyễn Thị D trình bày: Ngày 04 tháng 3 năm 2018 gia đình bà bị mất số tiền 7.000.000 đồng và nghi Lê Công Th là người lấy. Sau đó gia đình có báo Công an, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã làm rõ Th là người lấy trộm số tiền trên. Đến nay gia đình bà đã nhận lại đủ số tiền trên, gia đình không yêu cầu cháu Th phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho cháu Th.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vũ Hồng L trình bày: Anh là chủ quán Karaoke 55 ở phường H, thành phố Y, ngày 04 tháng 3 năm 2018 T và nhóm bạn đến hát karaoke có thanh toán trả 1.300.000 đồng tiền hát anh không biết đó là tiền do T trộm cắp mà có. Sau đó anh đã tự nguyện nộp lại số tiền này cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại. Quá trình điều tra T đã trả lại cho anh số tiền trên, nay anh không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T và người bị hại bà D, ông Th; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh L không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Công T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, bị cáo khai nhận: Khoảng hơn 09 giờ ngày 04 tháng 3 năm 2018, tại gia đình bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Xuân Th ở thị trấn M, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sơ hở T đã lén lút vào phòng ngủ nhà bà D, ông Th trộm cắp số tiền 7.000.000 đồng để ở ngăn trên cùng tủ gỗ có kính của bà D, ông Th. Sau khi trộm cắp được số tiền trên T đã tiêu sài cá nhân hết 4.040.000 đồng, còn lại 2.960.000 đồng T đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, sơ đồ hiện trường vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Lê Công T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm

đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Trước khi phạm tội bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, do đó đáng được hưởng khoan hồng, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi cũng đủ để răn đe, giáo dục phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện cho các bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là đối tượng không có nghề nghiệp và không có tài sản vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại bà D, ông Th số tiền bị mất, sau khi nhận lại bà D, ông Th không có đề nghị gì khác do vậy Tòa không xét. Đối với 01 ví giả da màu xanh dương bị cáo T dùng tiền trộm cắp được mua với giá 150.000 đồng, tuy nhiên bị cáo đã bồi thường toàn bộ tiền trộm cắp cho bị hại, do vậy cần trả lại cho bị cáo T.

[8] Đối với anh Vũ Hồng L, là chủ quán karaoke 55 ở phường H, thành phố Y nhận 1.300.000đ tiền T thanh toán trả hát karaoke nhưng anh L không biết đó là tiền do T trộm cắp mà có, sau đó đã tự nguyện nộp lại số tiền này cho cơ quan điều tra. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh L là phù hợp. Quá trình điều tra T đã trả lại cho anh L 1.300.000 đồng, sau khi nhận lại anh L không có đề nghị gì khác do vậy Tòa không xét.

[9] Đối với anh Lê Hồng Kh là người lái xe taxi chở T đi và được T trả số tiền 240.000 đồng; anh Phạm Tiến E là người đi hát cùng T và được T đưa cho 500.000 đồng để đi taxi từ thành phố Y về huyện V; anh Nguyễn Văn E1 và anh Kim Văn E2 là người đi hát Karaoke cùng T; chị Nguyễn Thị U là người được T trả số tiền 250.000 đồng khi T chơi điện tử tại nhà chị U; anh Khuất Văn U1 là người được T đưa cho 250.000 đồng nhờ đi mua thẻ điện thoại. Tất cả đều không biết T sử dụng tiền trộm cắp để chi tiêu nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Kh, anh E, anh E1, anh E2, chị U và anh U1 là phù hợp.

[10] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Công T 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Lê Công T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho Lê Công T 01 ví giả da màu xanh dương bên ngoài có ghi chữ American Classics. Vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường lập ngày 29 tháng 5 năm 2018.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Công T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; người có QL và NVLQ;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện V;
- CA huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng